

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-04-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú và ông Phan Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 259/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Tấn T, sinh năm 1978; nơi thường trú: Xã LĐ, huyện PL, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982; nơi thường trú: Xã LĐ, huyện PL, thành phố Huế. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 11 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và Ti phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Tấn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2007 Ti Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế. Cuộc sống của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về điểm sống, chị H không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng xảy ra xích mích, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không

còn tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh với chị Lê Thị H có 02 người con chung: Phạm Lê Tấn H1, sinh ngày 02/6/2006 và Phạm Lê H1 H2, sinh ngày 20/11/2013. Anh Phạm Tấn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Lê H1 H2 đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H pH1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con chung là Phạm Lê Tấn H1 đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; xác nhận thông tin về cư trú; bản sao căn cước công dân của Phạm Lê Tấn H1; bản photo căn cước công dân của Lê Thị H, Phạm Tấn T, Phạm Lê Tấn H1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Lê Thị H về việc anh Phạm Tấn T xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Nhưng quá thời hạn luật định chị H không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được.

Ti biên bản xác minh ngày 10/3/2025, Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền cho biết chị Lê Thị H có nơi cư trú Ti Xã LD, huyện PL, thành phố Huế. Ti thời điểm xác minh, chị H không có mặt Ti địa phương nên không tổng đạt trực tiếp được cho chị H. Do vậy, Tòa án phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ti phiên tòa ngày 01/4/2025, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/4/2025, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng chị H tiếp tục vắng mặt.

** Ti phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, thành phố Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp pH1 thay đổi, thủ tục tố tụng Ti phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định Ti Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt Ti phiên

tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định Ti Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Tấn T; về án phí: Buộc nguyên đơn PH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra Ti phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phạm Tấn T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Lê Thị H nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; đồng thời chị H có nơi thường trú Ti: Xã LĐ, huyện PL, thành phố Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, thành phố Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tấn T và chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn vào ngày 02 tháng 10 năm 2007 Ti: Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế. Hôn nhân của anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Qua xác minh Ti chính quyền địa phương và người thân của vợ chồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng anh T và chị H đã sống ly thân. Thông qua các bản ảnh tin nhắn do anh Phạm Lê Tấn H1 (là con chung của anh T, chị H) cung cấp, chị H đã nhận được các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ không có tình nghĩa vợ chồng; chị H không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng hôn nhân dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tấn T, anh T

được ly hôn chị Lê Thị H.

[3.2] Về con chung: Anh Phạm Tấn T và chị Lê Thị H có 02 người con chung: Phạm Lê Tấn H1, sinh ngày 02/6/2006; Phạm Lê H1 H2, sinh ngày 20/11/2013. Xét theo yêu cầu của anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi anh T và chị H sống ly thân, những người con chung nêu trên do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay; theo nguyện vọng của cháu Phạm Lê H1 H2 nếu Tòa án chấp nhận cho ba mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với anh T. Ngoài ra, do bị đơn chị Lê Thị H hiện không có mặt Ti địa phương, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến gì của chị H về việc nuôi con. Để đảm bảo ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu H2 nên cần chấp nhận giao cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định Ti các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với người con chung là Phạm Lê Tấn H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), anh T không yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh T biết “người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con”. Tuy nhiên, anh T vẫn không yêu cầu chị H pH1 cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Lê H1 H2 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh T pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, thành phố Huế có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Tấn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tấn T được ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Lê H1 H2, sinh ngày 20/11/2013 cho anh Phạm Tấn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh T không yêu cầu chị Lê Thị H pH1 cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với người con chung là Phạm Lê Tấn H1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), anh T không yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Tấn T pH1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền Tm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005437 ngày 28/11/2024 Ti Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế; anh T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định Ti Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Ti các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Ti Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- UBND xã Lộc Điền, huyện PL, thành phố Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nhàn Khánh Phú Phan Văn Lợi

Nguyễn Văn Mạnh

